

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 và tình hình sử dụng vốn điều lệ trong năm 2021, cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
1	Tổng tài sản	55.655	52.851
2	Nợ phải trả	11.544	24.217
	- Nợ vay:	8.806	12.238
3	Vốn chủ sở hữu	44.111	28.634
4	Tổng Doanh thu, trong đó:	5.511	22.618
	+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.284	19.242
	+ Doanh thu hoạt động tài chính	3.216	3.203
	+ Thu nhập khác	11	173
6	Lợi nhuận trước thuế	357	880
7	Thuế TNDN	34	533
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	323	347

(Báo cáo tài chính chi tiết đính kèm)

2. Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ năm 2021

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ các đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo các nội dung như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Số vốn đã sử dụng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số vốn đã sử dụng trong năm 2021	Số vốn đã sử dụng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
1	Đầu tư vào thị trường Myanmar	1.728,94	72,50	1.801,44
	- Góp vốn điều lệ	603,42	-	603,42
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng phục vụ mục đích đầu tư	1.125,52	72,50	1.198,02
2	Đầu tư vào thị trường khác	621,00	300,00	921,00
	- Góp vốn điều lệ	0,00	300,00	300,00
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng phục vụ mục đích đầu tư	621,00	-	621,00
3	Thực hiện các nhiệm vụ chiến lược	868,59	-	868,59
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng phục vụ mục đích bán thiết bị cho công ty con, công ty liên kết	868,59	-	868,59
4	Tổng số vốn đã sử dụng	3.218,53	372,50	3.591,03
		Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 31/12/ 2021
5	Số vốn chưa sử dụng (Tiền gửi ngân hàng)	4.781,47		4.408,97
6	Tổng cộng vốn	8.000,00		8.000,00

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, TC. Quỳnh 10.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý



Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v thông qua phương án phân chia lợi nhuận
và trích lập các quỹ năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Tổng Công ty hoặc VTG);

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 như sau:

1. Phương án trích lập các quỹ và phân chia lợi nhuận năm 2021:

- Trích quỹ:

- Trích 10% lợi nhuận sau thuế (LNST) dùng để phân phối năm 2021 của Tổng công ty mẹ làm quỹ khen thưởng và phúc lợi cho người lao động 32.333 triệu đồng;
- Trích 1,5 tháng tiền lương bình quân của người quản lý thực hiện năm 2021 tương đương 0,33% LNST dùng để phân phối năm 2021 của Tổng công ty mẹ làm quỹ thưởng cho người quản lý doanh nghiệp: 1.073 triệu đồng;
- Trích 30,00% LNST dùng để phân phối năm 2021 của Tổng công ty mẹ làm quỹ đầu tư phát triển: 96.998 triệu đồng. Quỹ đầu tư phát triển, cùng với lợi nhuận giữ lại của công ty sẽ được sử dụng để tiếp tục đầu tư vào các thị trường đang triển khai, dựa trên nhu cầu vốn của VTG. Nguồn quỹ này sẽ được dùng để tăng vốn ngay khi VTG đủ điều kiện.

- Chia cổ tức: **không thực hiện cho năm 2021**

Nguyên nhân:

+ Theo điểm b khoản 2 điều 135 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

+ Theo điểm đ khoản 1 Điều 74 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp quy định



Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNSTCPP) trên Báo cáo tài chính hợp nhất (BCTCHN). Hiện LNSTCPP trên BCTCHN đang -4.679.651 triệu đồng nên Hội đồng quản trị đề xuất không thực hiện chia cổ tức cho năm 2021.

2. Bảng số liệu cụ thể:

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Tỷ trọng	Số trích lập năm trước	Số dư lũy kế các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích quỹ
I	Lợi nhuận Công ty mẹ giữ lại từ các năm trước	10.483.556			
II	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021 của Công ty mẹ VTG	323.328	100%		
III	Trích lập các quỹ năm 2021	130.404	40,33%		
1	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	96.998	30,00%	359.161	2.866.178
2	Trích Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi	32.333	10,0%	74.099	103.233
3	Trích Quỹ thưởng cho người quản lý	1.073	0,33%	1.752	367
IV	Lợi nhuận thực hiện 2021 còn lại sau khi trích lập các quỹ	192.924			
V	Chia cổ tức cho các cổ đông				
VI	Lợi nhuận lũy kế giữ lại của Công ty mẹ (= I + IV - V)	10.676.480			

Lợi nhuận lũy kế giữ lại của Công ty mẹ **10.676.480** triệu đồng sẽ được sử dụng vào mục đích đầu tư vào các thị trường đang triển khai, phù hợp với nhu cầu vốn đầu tư và lợi ích cổ đông, hỗ trợ VTG phát triển bền vững. Đây chính là nguồn lực từ nguồn vốn chủ sở hữu nhằm đảm bảo thanh khoản cho VTG trong dài hạn, đồng thời tăng năng lực tài chính và nâng cao vị thế, uy tín của VTG để tiếp cận các nguồn vốn phong phú.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, TC, Tuần 10.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (Tổng Công ty);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS, Thụ ký HĐQT và ngân sách hoạt động năm 2021 và dự kiến mức thù lao, ngân sách hoạt động năm 2022 như sau:

1. Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS, Thụ ký HĐQT và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021:

1.1. HĐQT và Thụ ký HĐQT: Tổng mức thù lao, lương, và chi phí hoạt động năm 2021 là 1.156.320.000 đồng/năm trong đó:

- Thành viên HĐQT/Thụ ký HĐQT không chuyên trách:
 - Thù lao của Chủ tịch: 249.600.000 đồng/năm.
 - Thù lao của Phó Chủ tịch 174.720.000 đồng/năm.
 - Thù lao của Thành viên HĐQT là: 124.800.000 đồng/năm.
 - Thụ ký VP.HĐQT là: 108.000.000 đồng/năm
- Thành viên HĐQT chuyên trách, Thụ ký HĐQT chuyên trách: thực hiện trả lương theo Quy chế trả lương, thưởng của Tổng Công ty.
- Chi phí hoạt động năm của HĐQT là: Không phát sinh.

1.2. Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, lương, thưởng năm 2021 là 2.185.348.137 đồng, trong đó:

- Trưởng ban Kiểm soát: 897.442.557 đồng.
- Kiểm soát viên từ 631.006.297 đồng đến 656.899.283 đồng.
- Chi phí hoạt động BKS: 27.000.000 đồng.

2. Đề xuất mức thù lao, lương, cho thành viên HĐQT, BKS, Thụ ký HĐQT và ngân sách hoạt động năm 2022:

2.1. Thù lao, lương của HĐQT:

- Dự kiến tổng mức thù lao, lương, bồi dưỡng hợp là **1.156.320.000** đồng (Không thay đổi so với năm 2021).



- Ngân sách hoạt động của HĐQT: 02 tỷ đồng và các chi phí phát sinh khác theo thực tế.

2.2. Đề xuất mức thù lao, lương của BKS

- Mức lương mục tiêu của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:
 - Trưởng Ban kiểm soát Lê Quang Tiệp: 74.500.000 đồng.
 - Kiểm soát viên Nguyễn Hoài Bắc: 52.800.000 đồng.
 - Kiểm soát viên Quản Thị Thu Hà: 50.250.750 đồng.
- Mức lương/thù lao hàng tháng được xác định bằng 75% mức lương mục tiêu nói trên của từng thành viên. Hàng tháng, Ban Kiểm soát được hưởng đầy đủ các phụ cấp (hoặc các khoản hỗ trợ...) theo quy chế lương 49/NQ-HĐQT-VTG.
- Mức lương bổ sung tương ứng với 25% còn lại được căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty để chi trả cho từng cá nhân.
- Ngân sách hoạt động của BKS: **850** triệu đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, NS. Quỳnh 10.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý



Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Tổng Công ty”).

Ban Kiểm soát Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022 như sau:

1. Danh sách công ty kiểm toán đề xuất lựa chọn

- Thuộc danh sách 32 Công ty kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022 (Chi tiết danh sách đính kèm).

2. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán.

- Có uy tín, có nhiều kinh nghiệm trong việc triển khai kiểm toán hợp nhất Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.
- Có kinh nghiệm kiểm toán hợp nhất Báo cáo tài chính các Công ty kinh doanh viễn thông, Công ty kinh doanh dịch vụ tài chính.
- Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp và có nhiều kinh nghiệm.
- Không xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính.
- Đảm bảo thời gian phát hành báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin của công ty đại chúng.
- Đảm bảo phối hợp với kiểm toán viên kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600.

3. Kiến nghị.

- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thay mặt Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đơn vị kiểm toán (cung cấp dịch vụ tối đa 03 năm) sau khi đã được



lựa chọn theo ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc và có ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, TK. Tiếp 10.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



LÊ QUANG TIỆP



**DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIÊN ĐƯỢC CHẤP
THUẬN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHỨNG THUỘC
LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2022**

1. CÔNG TY TNHH KPMG (KPMG)
2. CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (E&Y)
3. CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM (DELOITTE)
4. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C (A&C)
5. CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC (AASC)
6. CÔNG TY TNHH PwC (VIỆT NAM) (PWC)
7. CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM) (GT)
8. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM (RSM)
9. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)
10. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM (CPA VIETNAM)
11. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (ICPA)
12. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA VIỆT NAM)
13. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)
14. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT (SVC)
15. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (AISC)
16. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
17. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC (AAC)
18. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (VIETVALUES)
19. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO (BDO)
20. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC (FAC)
21. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP (TTP)
22. CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO (ASCOFIRM)
23. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)
24. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM (AFC)
25. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO (VACO)
26. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT (AN VIỆT)
27. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN ĐẤT VIỆT (VIETLAND)
28. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY)
29. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT (NVT)
30. CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM (PKF)
31. CÔNG TY TNHH CROWE VIỆT NAM (CROWE)
32. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN – KIỂM TOÁN S&S (S&S)



Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 1 năm 2022 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng đối với công ty đại chính tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Tổng Công ty”);

Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ Tổng Công ty ban hành ngày 05 tháng 07 năm 2021.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế về quản trị nội bộ, và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty như sau:

1. Lý do sửa đổi, bổ sung, ban hành

Theo quy định tại điểm 1, khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, ĐHĐCĐ có thẩm quyền phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Ngoài ra, theo quy định tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, một số



quy định tại Điều lệ, Quy chế về Quản trị nội bộ của Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát không còn phù hợp với quy định pháp luật. HĐQT thấy rằng cần sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý nêu trên để có căn cứ thực hiện, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Đề xuất của HĐQT:

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế về Quản trị nội bộ Tổng Công ty.
- Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Tổng Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, PC. Anh 03.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý

PHỤ LỤC 1.

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ, QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS TỔNG CÔNG TY

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
I.	SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY				
1.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	<p>Định nghĩa “Cổ phần”</p>	<p>Căn cứ Điều 6.3, cổ phần của công ty tại thời điểm ban hành điều lệ, tất cả cổ phần của công ty là cổ phần phổ thông. Do đó quy định thống nhất cách gọi để ngắn gọn và tránh hiểu nhầm công ty còn loại cổ phần khác khi đề cập: “cổ phần phổ thông”.</p>	Không có	<p>“Cổ phần” tại thời điểm ban hành điều lệ này là cổ phần phổ thông của công ty.</p> <p>⇒ Sử dụng thống nhất cụm từ “cổ phần” thay thế cho cụm từ “cổ phần phổ thông” đang sử dụng.</p>
		<p>Định nghĩa “Luật Doanh nghiệp”</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với sự thay đổi của thực tế.</p>	<p>"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</p>	<p>"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, <u>sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo</u></p>

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
					<i>phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thu đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.</i>
		Định nghĩa “cổ đông sáng lập”	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Điều lệ (điều 2.2) có nhắc đến cổ đông sáng lập tuy nhiên tại phần giải thích từ ngữ chưa đề cập. - Căn cứ định nghĩa về “cổ đông sáng lập” quy định tại khoản 4, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020. 	Không có	Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
2.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.	Địa chỉ trụ sở chính Công ty	Sửa đổi để phù hợp với Đăng kí kinh doanh lần 24 ngày 16/7/2021 của Tổng Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Điện thoại: (+84) 4 6262 6868 - Fax: (+84) 4 6256 8686 	<ul style="list-style-type: none"> - Điện thoại : (+84) 24 6262 6868 - Fax : (+84) 24 6287 4932

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
3.	Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty	Mục tiêu hoạt động của công ty	Sửa đổi để đảm bảo từ ngữ sử dụng chính xác, hợp lý.	Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.	Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển <u>vốn chủ sở hữu</u> và vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.
4.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu		Căn cứ Điều 7, Phụ lục I Thông tư 116/2020 ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn <u>30 ngày kể từ ngày thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty</u> (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
5.	Điều 11. Quyền của cổ đông		Đã có định nghĩa về cổ đông đã đề cập tại Điều 1 của Điều lệ	1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty....	Bỏ
6.	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của	Bổ sung quy định ĐHĐCĐ có thẩm	Bổ sung để giải quyết vấn đề thông qua các	Không có	ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
	ĐHĐCĐ	quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT không đủ điều kiện để biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật	giao dịch với người có liên quan bị bế tắc ở HĐQT do thành viên HĐQT là người có lợi ích liên quan của một bên trong giao dịch không thể biểu quyết thì sẽ có cơ chế trong Điều lệ để đưa lên ĐHĐCĐ xin ý kiến.		a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; ... r. <u>Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT không đủ điều kiện để biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;</u> s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
7.	Điều 15. Đại diện theo ủy quyền		Sửa đổi để thể hiện chính xác bản chất và nội dung của Điều khoản	Đại diện theo ủy quyền	Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ
8.		Quy định về điều kiện thông qua Nghị quyết (Điều 3.1, 3.2)	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7, Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh	3.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành 3.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.1	Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và <u>biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ



STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
			<p>ngành, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.</p>	<p>và khoản 4 Điều này.</p>	<p>đồng dự họp và <i>tham gia biểu quyết</i> tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.1 và khoản 4 Điều này.</p>
9.	Điều 30. Biên bản họp HĐQT		<p>Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7, Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.</p>	<p>Trường họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Trường họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>
11	Điều 59. Ngày hiệu lực			<p>Bản Điều lệ này gồm 59 điều được</p>	<p>Bản Điều lệ này gồm 59 điều được ĐHCĐ Tổng Công ty Cổ phần Đầu</p>

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
				DHĐCĐ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	tư Quốc tế Viettel nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
II. SỬA ĐỔI QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ					
1.	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	Định nghĩa “Công ty”	Sửa đổi để phù hợp với thực tế.	“Công ty” là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi lần 23 ngày 16/12/2019	“Công ty” là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi <u><i>lần 24 ngày 16/7/2021</i></u>
		Định nghĩa “Luật Doanh nghiệp”	Sửa đổi để phù hợp với thực tế.	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, <i>sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân</i>

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
					<i>stt.</i>
2.	Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	Bổ sung quy định ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT không đủ điều kiện để biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật	Bổ sung để giải quyết vấn đề thông qua các giao dịch với người có liên quan bị bế tắc ở HĐQT do thành viên HĐQT là người có lợi ích liên quan của một bên trong giao dịch không thể biểu quyết thì sẽ có cơ chế trong Điều lệ để đưa lên ĐHĐCĐ xin ý kiến.	Không có	ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau: b. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; ... r. <i>Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT không đủ điều kiện để biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;</i> s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3.	Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường	Quy định về Điều kiện đề nghị quyết được thông qua (Điều 3.12)	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7, Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu	a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp biểu quyết tán thành. ... b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản	a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và <i>tham gia biểu quyết</i> tán thành. ... b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và <i>tham gia biểu quyết biểu quyết</i> tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.12.a Điều này.

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
			thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự	3.12.a Điều này.	
		Trình tự, điều kiện, cách thức tham gia và bỏ phiếu trực tuyến	Điều 6 của Quy chế đã đề cập đến việc áp dụng các công nghệ hiện đại để cổ động tham gia họp ĐHĐCĐ, tuy nhiên chưa có thông tin cụ thể về trình tự, điều kiện, cách thức tham gia và bỏ phiếu trực tuyến.	Chưa có	Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường ... 9.Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua trước khi triển khai thực hiện
4.	Điều 16. Họp Hội đồng Quản trị	Quy định về trường họp chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp HĐQT.	Bổ sung để thống nhất với quy định tại Điều lệ.	Chưa có quy định.	Trường họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 30.1 Điều lệ Công ty thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
					doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
5.	Điều 27. Tổng Giám đốc	Quy định về tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc Công ty	Sửa đổi để thống nhất với quy định tại Điều lệ	Tổng Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện, yêu cầu luật định (nếu có) và là người không bị pháp luật cấm giữ chức vụ này	Tổng Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện, yêu cầu <u>theo quy định tại Điều 34.1 của Điều lệ.</u>
III. SỬA ĐỔI VỀ QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT					
1.	Điều 18. Biên bản họp HĐQT	Quy định về trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7 Luật số 03/2022/QH15	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
2.	Điều 19. Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	Bỏ quy định về việc gửi “Phiếu lấy ý kiến” cho thành viên HĐQT mà chỉ thực hiện gửi Phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan khi thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản.	<p>- Căn cứ Khoản 3 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 cho phép HĐQT có thể thông qua nghị quyết bằng văn bản, tuy nhiên không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản mà căn cứ theo điều lệ và quy định nội bộ của công ty.</p> <p>- Căn cứ theo thực tế tại Tổng Công ty.</p>	<p>...</p> <p>2. Thông báo lấy ý kiến phải được gửi kèm theo Phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan, được gửi theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử, hệ thống thông tin nội bộ hoặc phương tiện khác, nhưng đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>e. Phương án biểu quyết: “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến.</p> <p>f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;</p> <p>g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Công ty theo quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì văn bản xin ý</p>	<p>...</p> <p>2. <u>Phiếu biểu quyết</u> và các tài liệu liên quan, được gửi theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử, hệ thống thông tin nội bộ hoặc phương tiện khác, nhưng đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty.</p> <p>3. <u>Phiếu biểu quyết</u> phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến;</p> <p>e. Phương án biểu quyết: “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến.</p> <p>f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;</p> <p>g. <u>Họ và tên, chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết.</u></p> <p>4. <u>Phiếu biểu quyết</u> đã được trả lời phải và gửi về Công ty theo quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì văn bản xin ý kiến đó coi như thành viên Hội đồng quản trị</p>

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
				kiến đó cói như thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến. ...	không có ý kiến. ...
IV	SỬA ĐỔI VỀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT				
1.	Điều 7 quy định về quyền đề cử thành viên BKS của cổ đông/nhóm cổ đông	Điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần.	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 24, 35 Điều lệ TCT	Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần trở lên	Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông trở lên
2.	Điều 8 về bãi nhiệm thành viên BKS	Thêm trường hợp vi phạm	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 174 Luật DN 2020.	ĐHĐCĐ bãi nhiệm TV BKS trong trường hợp vi phạm nhiều lần nghĩa vụ thành viên BKS	ĐHĐCĐ bãi nhiệm TV BKS trong trường hợp vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thành viên BKS

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (“Luật doanh nghiệp 2020”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Tổng Công ty”).

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

1. Lý do sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

- Hiện nay Tổng Công ty đang thực hiện ký một số hợp đồng với các thị trường để cung cấp các dịch vụ, hàng hóa thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và trong thời gian tới dự định sẽ thực hiện thêm một số hoạt động thương mại liên quan đến nội dung này. Do vậy, Tổng Công ty cần thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh “Môi giới thương mại” nhằm giúp việc kinh doanh của Tổng Công ty được thuận tiện hơn.
- Thêm vào đó, căn cứ theo định hướng chiến lược và sự chuyển đổi hoạt động của Tổng Công ty trong thời gian tới, dự kiến Tổng Công ty sẽ cần bổ sung thêm các ngành nghề phục vụ kinh doanh các dịch vụ số, giải pháp thu hồi vốn bằng hàng hóa. Theo đó, Tổng Công ty dự kiến bổ sung ngành nghề kinh doanh “Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính”.
- Ngoài ra, một số thị trường đầu tư của Tổng Công ty đang thiếu hụt nguồn cung USD dẫn đến việc các Công ty con/Công ty liên kết



không có nguồn USD để trả nợ hợp đồng mua thiết bị với Tổng Công ty. Do đó, Tổng Công ty dự kiến ký kết hợp đồng thu mua nông sản với các công ty này. Vì vậy, Tổng Công ty cần thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh “Bán buôn nông lâm sản (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống”.

2. Căn cứ sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty

Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020, Đại hội đồng cổ đông có quyền phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ (bao gồm sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty). Thêm vào đó, theo điểm đ, điều 14 Điều lệ của Tổng Công ty, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Do vậy, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.

3. Đề xuất của HĐQT:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bổ sung các ngành nghề sau vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty:

- (i) Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa.
- (ii) Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- (iii) Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.
- (iv) Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VPHĐQT. Trang 02.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hải Lý

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch
với bên có liên quan năm 2022 và năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Quốc tế Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ hiện tại của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (“**Tổng Công ty**” hoặc “**VTG**”).

Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) xem xét chấp thuận về chủ trương Tổng Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch mua bán vật tư, thiết bị và dịch vụ với các bên có liên quan trong năm 2022 và năm 2023 như sau.

I. Báo cáo các Hợp đồng giao dịch đã triển khai trong năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022

Trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022, Tổng Công ty phát sinh các hợp đồng, giao dịch mua thiết bị, dịch vụ, giải pháp với các bên liên quan là các công ty có vốn góp của Tập đoàn Viettel (Công ty mẹ của Tổng Công ty) và các hợp đồng giao dịch bán vật tư, thiết bị, dịch vụ, phần mềm, giải pháp cho các bên liên quan là các Công ty có vốn góp của Tổng Công ty. Cụ thể:

- Năm 2021: Đã được ký kết là 57 hợp đồng, với tổng giá trị 56,2 triệu USD trong đó hợp đồng bán là 45.1 triệu USD/40 giao dịch và hợp đồng mua là 11.1 triệu USD/17 giao dịch.
- 06 tháng đầu năm 2022: Đã ký kết là 21 hợp đồng với tổng giá trị 32,7 triệu USD.

Việc Tổng Công ty bán thiết bị vật tư, dịch vụ cho các Công ty con tại các thị trường nhằm đảm bảo chất lượng công nghệ của thiết bị, tương thích từ thiết kế đến thi công lắp đặt và khai thác; tiết kiệm các chi phí phát sinh đầu vào (năm 2021 tiết kiệm được ~2,5 triệu USD) do đàm phán được giá rẻ khi mua lô lớn trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu biến động vì dịch bệnh cũng như đáp tốt yêu cầu chào mua của Công ty thị trường. Đồng thời, việc mua thiết bị và bán cho các Công ty thị trường sẽ tạo cho Tổng Công ty một khoản doanh thu, lợi nhuận thương mại nhất định: các Hợp đồng, giao dịch thương mại với các bên liên quan năm 2021 đã mang lại cho Tổng Công ty doanh thu góp 2.284 tỷ đồng và 1.044 tỷ đồng lợi nhuận gộp.

II. Đề xuất ký các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan trong giai



đoạn 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023

Theo kế hoạch đầu tư mua sắm của các Công ty con tại các thị trường, 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023, Tổng Công ty tiếp tục phát sinh các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan như trên. Cụ thể:

1. Năm 2022:

Các giao dịch với bên có liên quan dự kiến trong 6 tháng cuối năm 2022 (từ sau cuộc họp ĐHĐCĐ đến hết năm 2022) bao gồm:

1.1. Hợp đồng bán vật tư thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ quản lý, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT cho bên có liên quan.

1.1.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. (“VTC”).
- Công ty Star Telecom Co., Ltd. (“STL”).
- Công ty Movitel SA. (“MVT”).
- Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd. (“Mytel”).
- Công ty National Telecom SA. (“NCM”).
- Công ty Viettel Burundi S.A. (“VTB”).
- Công ty Viettel Tanzania Limited. (“VTZ”).
- Công ty Viettel Timor Leste Ltd. (“VTL”).
- Công ty Viettel Peru SAC. (“VTP”).
- Các Công ty nêu trên thành lập hoặc liên kết đầu tư.

Là các Công ty triển khai dự án tại nước ngoài, các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty triển khai dự án tại nước ngoài do Tổng Công ty, hoặc Công ty triển khai dự án tại nước ngoài góp vốn đầu tư.

1.1.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính: Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

1.2. Hợp đồng mua vật tư thiết bị, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT, dịch vụ vận chuyên, dịch vụ quản lý.

1.2.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty TNHH MTV Thông tin M3 (M3).
- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel (“Logistics Viettel”).
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel (“Viettelimex”).
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. (“VHT”).
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (“VTT”).
- Công ty TNHH Viettel – CHT (“IDC”).
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (“VTS”).
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (“VNet”).
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp -



Viễn thông Quân đội (“VDS”).

- Công ty An ninh mạng Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (“VCS”).

Là các chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội hoặc Công ty mà Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội có khả năng chi phối hoạt động thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty.

1.2.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính: Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

2. Năm 2023:

2.1 Hợp đồng bán vật tư thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ quản lý, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT cho bên có liên quan.

2.1.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. (“VTC”).
- Công ty Star Telecom Co., Ltd. (“STL”).
- Công ty Movitel SA. (“MVT”).
- Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd. (“Mytel”).
- Công ty National Telecom SA. (“NCM”).
- Công ty Viettel Burundi S.A. (“VTB”).
- Công ty Viettel Tanzania Limited. (“VTZ”).
- Công ty Viettel Timor Leste Ltd. (“VTL”).
- Công ty Viettel Peru SAC. (“VTP”).
- Các Công ty nêu trên thành lập hoặc liên kết đầu tư.

Là các Công ty triển khai dự án tại nước ngoài, các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty triển khai dự án tại nước ngoài do Tổng Công ty, hoặc Công ty triển khai dự án tại nước ngoài góp vốn đầu tư.

2.1.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính: Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

2.2 Hợp đồng mua vật tư thiết bị, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ quản lý.

2.2.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty M3.
- Công ty Logistics Viettel.
- Công ty Viettelimex.
- Tổng Công ty VHT.
- Tổng Công ty VTT.
- Công ty IDC.
- Tổng Công ty VTS.
- Tổng Công ty VTNet.
- Tổng Công ty VDS.



- Công ty VCS.

Là chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội hoặc Công ty mà Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội có khả năng chỉ phối hoạt động thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty

2.2.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính:

Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

Theo Điều 167, thẩm quyền chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan là ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Tổng Công ty.

Đề xuất:

Do các giao dịch mua, bán nêu trên có tính chất thường xuyên và đảm bảo tiến độ theo từng đợt đầu tư của các công ty tại thị trường; đồng thời vẫn đảm bảo doanh thu và lợi nhuận cho Tổng Công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận:

- Thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch nêu trên;
- Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện tính toán, đánh giá các giao dịch nêu trên và báo cáo HĐQT, đảm bảo nguyên tắc không có những thay đổi bất lợi cho Tổng Công ty, tuân thủ đúng thông lệ quốc tế, pháp luật Việt Nam và pháp luật các nước có công ty yêu cầu cung cấp.

Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin chi tiết giao dịch liên quan trên báo cáo quản trị nội bộ và báo cáo lại ĐHĐCĐ kết quả thực hiện ký kết các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong năm 2022 – 2023 (từ sau kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đến kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023) trong cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2023.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VPHĐQT. Hiền 05.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý

